

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2026/HSST

Ngày: 25-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Thị Kiều Oanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Nguyễn Văn Vũ

2. ông Lý Tuấn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Phúc** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2026/HS-ST, ngày 09 tháng 02 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H - sinh ngày: 29/11/2003

Nơi cư trú: ấp P, xã G, tỉnh A; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 11/12. Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1980; con bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; Bị cáo có 02 anh chị em ruột, nhỏ nhất sinh năm 2005, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Văn H bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 3512/LC-VPCQCSĐT ngày 01/12/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 22/LCCT-VKSKV5 ngày 19/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 23/LCCT-VKSKV5 ngày 08/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 08/LCĐKNCT-TA ngày 13/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang đối với bị cáo H.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- **Bị hại:** chị Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh A

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Huỳnh Thanh H1, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh A

*** Người làm chứng:**

1/ anh Huỳnh Văn M, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã V, tỉnh A.

2/ anh Phan Thanh T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh A

3/ anh Nguyễn Trí C1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: [HYPERLINK \l "link" \o "Ấp Phước Trung 2, Xã Gị Quao, tỉnh An Giang"](#) ấp P, xã G, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H là lao động tự do, làm thuê cho cơ sở điện lạnh của anh Nguyễn Trí C1 (tại xã G, tỉnh A). Vào khoảng 08 giờ 30 phút; ngày 13/10/2025, theo sự phân công của chủ cơ sở, Nguyễn Văn H cùng anh Nguyễn Văn M1 đến nhà bà Huỳnh Ngọc D (tại ấp P, xã G tỉnh A) để lắp đặt và bảo dưỡng máy điều hòa nhiệt độ. Khi đến nơi, anh Phan Thanh T (chồng chị D) dẫn H và M1 vào phòng ngủ để chỉ vị trí lắp đặt. Trong quá trình làm việc, anh M1 chịu trách nhiệm lắp đặt cục nóng bên ngoài, còn H phụ trách hỗ trợ công việc bên trong. Đến khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, khi việc lắp đặt cơ bản hoàn tất, anh M1 yêu cầu H kiểm tra lại hệ thống đường dây điện bên trong phòng ngủ. Do vị trí cần kiểm tra ở trên cao mà trong phòng không có ghế, H đi ra ngoài lấy ghế để leo lên, cùng lúc này anh T cũng rời khỏi nhà sang bên nhà cha vợ, để H ở lại trong phòng ngủ một mình. Trong lúc đứng trên ghế để kiểm tra, Nguyễn Văn H quan sát thấy ngăn kéo bàn trang điểm (đặt trên đầu tủ nhựa cao khoảng 1,2m cạnh cửa ra vào) đang bị hở ra một khoảng 10cm. Bên trong ngăn kéo có một xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng được buộc bằng dây chun màu vàng. Lợi dụng lúc trong phòng ngủ không có người trông coi, H nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên để tiêu xài cá nhân. H bước xuống ghế, tiến lại gần bàn trang điểm, lén lút đưa tay vào khe hở của ngăn kéo lấy toàn bộ xấp tiền nói trên. Tài sản chiếm đoạt gồm 22 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng trị giá là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Sau khi lấy được tiền, H cất giấu vào túi quần phía trước bên phải đang mặc, đẩy ngăn kéo lại rồi đi ra ngoài tiếp tục làm việc và uống nước cùng anh M1 như không có chuyện gì xảy ra nhằm che giấu hành vi phạm tội. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi hoàn thành công việc, H cùng anh M1 rời khỏi nhà chị D. Khi về tới tiệm sửa chữa điện lạnh Trí C1, H đã lén lút đem số tiền vừa chiếm đoạt ra khu vực phía sau, cất

giấu trên nóc nhà vệ sinh, bên dưới một tấm cao su màu vàng xanh nhằm che giấu để chờ cơ hội tiêu xài.

Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, chị Huỳnh Ngọc D phát hiện bị mất tài sản lên trình báo cơ quan có thẩm quyền. Công an xã G tiến hành xác minh mời Nguyễn Văn H đến làm việc, tại đây Nguyễn Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời chỉ dẫn nơi cất giấu số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) để Công an xã G thu giữ tang vật của vụ án. Kết quả xác minh xác định số tiền 11.000.000 đồng là tài sản do chị Huỳnh Ngọc D đang quản lý hợp pháp, nguồn gốc là của ông Huỳnh Thanh H1 (là cha của chị D) giao chị D giữ hộ.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo H thừa nhận hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị D tổng số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 29/CT-VKSKV5, ngày 09/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự hiện hành.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự: áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn H từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập của bị cáo H vì bị cáo H không có công việc ổn định.

* Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tang vật của vụ án là tiền Việt Nam: 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng), bao gồm 22 tờ giấy bạc polyme mệnh giá 500.000 đồng, đã trao trả cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số: 270/QĐ-VPCQCSĐT ngày 13/01/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A nên Viện kiểm sát không đề nghị.

* Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ tài sản, không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không đặt vấn đề giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án này. Do đó, viện kiểm sát không đề nghị về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo H.

Bị cáo Nguyễn Văn H trình bày tại phiên tòa: bị cáo H thừa nhận tất cả hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố, bị cáo thừa nhận hành vi của mình là phạm tội, bị cáo thấy ăn năn, hối cải với hành vi của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về chăm sóc cho gia đình.

Bị hại trình bày tại phiên tòa: chị D đã nhận lại đủ tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì thêm, về trách nhiệm hình sự chị D có nguyện vọng bãi nại cho bị cáo H và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục Tố tụng: người có quyền lợi nghĩa vụ liên ông Huỳnh Thanh H1, người làm chứng anh Phan Thanh T, anh Nguyễn Trí C1, anh Huỳnh Văn M đều có đơn xin xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – An Giang, bị cáo và bị hại không có ý kiến đối với việc vắng mặt của những người này và yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy ông H1, anh T, anh C1, anh M đã có lời khai đầy đủ liên quan đến nội dung vụ án ở giai đoạn điều tra nên việc vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét lời khai của bị cáo H tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung,... nên có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 10 giờ ngày 13/10/2025, tại ấp P, xã G, tỉnh A, bị cáo Nguyễn Văn H đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ nhà, đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) của chị D.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm”.

[4] Về hành vi phạm tội của bị cáo H được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nhằm mục đích tư lợi cá nhân, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng, hậu quả xảy ra không lớn, do một mình bị cáo Nguyễn Văn H thực hiện, không có đồng phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ tài sản đã trộm cho bị hại; đồng thời, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị hại đều có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự; bị cáo H được xét và áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ. Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo H ra khỏi xã hội mà giao bị cáo H cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo H vừa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, vừa đảm bảo tính nhân đạo, tạo điều kiện cho bị cáo H sửa chữa lỗi lầm, tiếp tục lao động, sinh sống và trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tang vật của vụ án là tiền Việt Nam: 11.000.000đ (mười một triệu đồng), bao gồm 22 tờ giấy bạc polyme mệnh giá 500.000 đồng, đã trao trả cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số: 270/QĐ-VPCQCSĐT ngày 13/01/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A và Viện kiểm sát không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* **Trách nhiệm dân sự:** Bị hại đã nhận lại đủ tài sản và bị hại không yêu cầu gì thêm và Viện kiểm sát không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang truy tố bị cáo H về tội danh, về điều luật áp dụng, về hình phạt, về biện pháp tư pháp là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- **Áp dụng:** khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ Luật Hình sự năm 2015 Sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn H vì bị cáo Nguyễn Văn H

không có công việc ổn định. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh A nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh A giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh A trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- **Về biện pháp tư pháp:** không xem xét.

- **Về trách nhiệm dân sự:** không xem xét.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

- **Quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 25/3/2026. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS khu vực 5 – An Giang;
- THADS;
- Công an xã Gò Quao, Công an Khu vực;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

Danh Thị Kiều Oanh